TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 504/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10/4/2018
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Quách Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhung
Bà Trần Thị Xuân Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Quỳnh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Yến Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 610/2018/HNST ngày 27/12/2017 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1261/2018/QĐXX-ST ngày 20/3/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thanh B, sinh năm 1975
Địa chỉ: Số A, khu phố 4, phường B, quận C, Tp. Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Er Boon H, sinh năm 1964
Cư trú tại: Malaysia.
Địa chỉ hiện nay: Singapore 440080.
(Các đương sự xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/11/2017 và bản tự khai, nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thanh B và ông Er Boon H tự nguyện kết hôn vào năm 2009, có Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/9/2009, vào Sổ đăng ký kết hôn số 3031, quyển số 11 ngày 14/9/2009. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về ngôn ngữ và sự khác biệt về văn hóa. Bà Phạm Thị Thanh B và ông Er Boon H đã ly thân từ năm 2011. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Er Boon H.

Về việc nuôi con: Vợ chồng có 01 (một) người con là Er Suzanne A, sinh ngày 20/5/2009. Bà B yêu cầu được nuôi con. Về cấp dưỡng, vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Không có.

Về nợ: Không có.

Tại bản tự khai ngày 10/01/2018 đã được Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại nước Cộng hòa Singapore xác nhận chữ ký, bị đơn ông Er Boon H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với nội dung bà Phạm Thị Thanh B đã trình bày. Do có nhiều khác biệt trong quan điểm sống nên giữa ông và bà B xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống xa cách cũng làm ông bà không còn tình cảm với nhau. Do mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân đã quá trầm trọng nên ông đồng ý ly hôn với bà B.

Về việc nuôi con: Vợ chồng có 01 (một) người con là Er Suzanne A, sinh ngày 20/5/2009. Ông đồng ý giao con cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng, vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Không có.

Về nợ: Không có .

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Bà Phạm Thị Thanh B và ông Er Boon H có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Thanh B:

- Về quan hệ hôn nhân : Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Thanh B đối với ông Er Boon H.

- Về việc nuôi con: Giao 01con là Er Suzanne A, sinh ngày 20/5/2009 cho bà Phạm Thị Thanh B trực tiếp nuôi.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Về án phí: Bà Phạm Thị Thanh B phải chịu án phí 300.000 đồng theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Ngày 29/11/2017, bà Phạm Thị Thanh B khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Er Boon H. Ông Er Boon H hiện đang cư trú tại Singapore, nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Khoản 3 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Phạm Thị Thanh B và ông Er Boon H có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thanh B và ông Er Boon H tự nguyện kết hôn vào năm 2009, có Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/9/2009, vào Sổ đăng ký kết hôn số 3031, quyển số 11 ngày 14/9/2009, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà B và ông Er Boon H đều thừa nhận thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và do cuộc sống xa cách không thể hàn gắn được. Do đó, có đủ cơ sở xác định bà B và ông Er Boon H đã không còn tình cảm với nhau, không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà B về việc ly hôn với ông Er Boon H.

- Về việc nuôi con: Bà Phạm Thị Thanh B và ông Er Boon H xác định có một con là trẻ Er Suzanne A, sinh ngày 20/5/2009.

Xét trẻ Er Suzanne A hiện đang được bà B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và trẻ cũng có nguyện vọng được sống với bà B. Nay cả bà B và ông Er Boon H cùng thống nhất để bà B trực tiếp nuôi con nên chấp nhận yêu cầu của bà B, giao trẻ Er Suzanne A cho bà B trực tiếp nuôi.

Về cấp dưỡng, bà Phạm Thị Thanh B và ông Er Boon H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về chia tài sản: Không có.

- Về nợ: Không có.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Thanh B là nguyên đơn yêu cầu ly hôn, nên căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố

tụng dân sự năm 2015 bà B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 ; Khoản 1 Điều 273 và Khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 ;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa Án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thanh B:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thanh B được ly hôn ông Er Boon H.

- Về việc nuôi con: Giao trẻ Er Suzanne A, sinh ngày 20/5/2009 cho bà Phạm Thị Thanh B trực tiếp nuôi. Về cấp dưỡng, bà Phạm Thị Thanh B và ông Er Boon H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Er Boon H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản: Không có.

- Về nợ: Không có.

2. Bà Phạm Thị Thanh B phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí bà Phạm Thị Thanh B đã nộp theo biên lai số AA/2017/0048446, ngày 21/12/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Thị Thanh B đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Er Boon H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 01 (một) tháng; bà Phạm Thị Thanh B có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 15 (mười lăm) ngày; kể từ ngày ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- VKSND Cấp cao tại TP HCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (L-18).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Thanh Bình